

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**  
===== oOo =====

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ III NĂM 2016**

- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	02-03
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	04
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	05-06
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	07-33

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>372.443.724.521</b>	<b>296.692.530.064</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>22.928.654.190</b>	<b>35.828.981.888</b>
111	1. Tiền		12.928.654.190	25.828.981.888
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	10.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>39.455.377.778</b>	<b>71.600.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		39.455.377.778	71.600.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>189.285.528.328</b>	<b>112.910.163.918</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	185.030.727.291	96.041.797.084
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.477.418.364	6.672.131.283
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	10.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.808.475.660	1.301.216.226
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.031.092.987)	(1.104.980.675)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>120.725.528.308</b>	<b>75.544.058.741</b>
141	1. Hàng tồn kho		121.449.269.085	75.544.058.741
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(723.740.777)	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>48.635.917</b>	<b>809.325.517</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	47.587.363	258.741.651
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	550.583.866
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.048.554	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>361.448.704.712</b>	<b>362.201.775.430</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>92.748.001.457</b>	<b>72.725.483.536</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	92.508.385.112	72.687.150.195
222	- Nguyên giá		187.528.262.251	161.638.489.335
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(95.019.877.139)	(88.951.339.140)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	239.616.345	38.333.341
228	- Nguyên giá		319.481.111	75.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(79.864.766)	(36.666.659)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>628.251.730</b>	<b>5.741.224.482</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		628.251.730	5.741.224.482
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>263.424.249.992</b>	<b>279.666.121.847</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		263.424.249.992	279.666.121.847
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.648.201.533</b>	<b>4.068.945.565</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.585.893.550	4.010.736.392
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		62.307.983	58.209.173
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>733.892.429.233</b>	<b>658.894.305.494</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

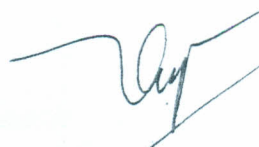
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>174.631.648.680</b>	<b>123.195.326.456</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>162.363.447.639</b>	<b>117.181.742.852</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	53.650.655.761	36.078.733.712
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	4.625.487.814	2.903.087.900
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.973.362.949	2.666.234.924
314	4. Phải trả người lao động		16.544.653.600	14.980.442.945
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.594.532.718	387.546.974
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.842.294.306	2.617.263.612
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.719.267.157	28.497.046.954
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	62.880.011.675	14.138.593.440
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	8.158.166.086	10.361.388.185
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.375.015.573	4.551.404.206
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>12.268.201.041</b>	<b>6.013.583.604</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	20	10.631.201.041	4.376.583.604
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.637.000.000	1.637.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>559.260.780.553</b>	<b>535.698.979.038</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>559.069.337.873</b>	<b>534.928.967.011</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		368.000.000.000	322.450.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		368.000.000.000	322.450.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		241.768.693	241.768.693
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		4.830.224.674	4.688.778.777
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		172.229.620.405	192.436.589.135
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		103.528.006.238	169.044.139.317
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		68.701.614.167	23.392.449.818
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		15.357.136.701	16.701.243.006
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>191.442.680</b>	<b>770.012.027</b>
431	1. Nguồn kinh phí	22	(483.374.000)	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		674.816.680	770.012.027
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>733.892.429.233</b>	<b>658.894.305.494</b>



Lê Thành Hải  
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng



Hoàng Anh Dũng

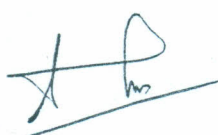
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2016

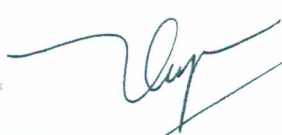
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	178.614.272.106	129.081.930.657
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	567.453.288	254.710.740
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		178.046.818.818	128.827.219.917
11	4. Giá vốn hàng bán	26	157.839.949.809	110.036.781.438
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.206.869.009	18.790.438.479
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	10.512.405.408	399.829.207
22	7. Chi phí tài chính	28	845.812.418	1.167.084.461
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		686.828.582	388.448.336
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(2.659.877.577)	4.822.375.881
25	9. Chi phí bán hàng	29	4.801.654.854	5.467.852.929
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	8.445.988.043	7.406.082.160
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.965.941.525	9.971.624.017
31	12. Thu nhập khác	31	310.164.190	331.910.000
32	13. Chi phí khác	32	220.098.750	544.921.190
40	14. Lợi nhuận khác		90.065.440	(213.011.190)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.056.006.965	9.758.612.827
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	1.254.593.596	1.029.638.218
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(31.627.312)	43.371.156
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12.833.040.681</u>	<u>8.685.603.453</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		12.639.319.055	8.660.268.319
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		193.721.626	25.335.134
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	345	236



Lê Thanh Hải  
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng



Hoàng Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý III năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.056.006.965	9.758.612.827
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.329.992.831	2.001.266.680
03	- Các khoản dự phòng		2.020.892.519	228.908.437
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.788.056.117)	(5.195.449.050)
06	- Chi phí lãi vay		686.828.582	388.448.336
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.305.664.780	7.181.787.230
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		61.705.164.694	(24.252.259.682)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.300.205.975	(40.706.507.916)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(88.071.061.410)	31.086.019.796
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		260.844.743	126.925.794
14	- Tiền lãi vay đã trả		(658.319.842)	(351.458.579)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.458.398.770)	(1.857.589.258)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		51.119.972	17.684.845.193
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(995.835.000)	(14.384.163.250)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.560.614.858)	(25.472.400.672)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.316.737.518)	(6.428.681.708)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	31.900.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.300.000.000)	1.500.000.000
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.433.994.878	330.742.486
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.182.742.640)	(4.566.039.222)
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(1.320.000.000)
33	2. Tiền thu từ đi vay		54.282.341.675	47.007.471.116
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(39.793.904.921)	(17.653.188.573)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.774.000)	(10.640.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		14.485.662.754	28.023.642.543
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.257.694.744)	(2.014.797.351)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý III năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		24.186.348.934	18.859.443.381
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>22.928.654.190</u>	<u>16.844.646.030</u>

Lê Thanh Hải  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng



Hoàng Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2016

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Quý III năm 2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 29/06/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 368.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2016 là 368,000,000,000 đồng; tương đương 36,800,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, sản phẩm chủ yếu của công ty là các loại động cơ điện, máy phát điện, thiết bị điện.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

#### **Cấu trúc Tập đoàn**

- **Tổng số Công ty con: 02**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty



Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	70,02%	70,02%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Công ty có công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 30/09. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.16 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

## **2.17 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, dịch vụ.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán .

## **2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## **2.19 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước) và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## **2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán .

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

## **2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2016

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	426.723.437	2.323.278.703
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.501.930.753	23.505.703.185
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
	<b>22.928.654.190</b>	<b>35.828.981.888</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	39.455.377.778	39.455.377.778	71.600.000.000	71.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	39.455.377.778	39.455.377.778	71.600.000.000	71.600.000.000
	<b>39.455.377.778</b>	<b>39.455.377.778</b>	<b>71.600.000.000</b>	<b>71.600.000.000</b>

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày	Số tiền	Thời hạn	Lãi suất
		VND		
SHB Cầu Diễn	30/06/2016	5.000.000.000	6 tháng	5,60%
SHB Cầu Diễn	30/06/2016	5.000.000.000	6 tháng	5,60%
SHB Cầu Diễn	16/08/2016	6.000.000.000	6 tháng	5,70%
SHB Cầu Diễn	16/08/2016	4.300.000.000	6 tháng	5,70%
SHB Cầu Diễn	08/04/2016	7.000.000.000	12 tháng	6,70%
SHB Cầu Diễn	08/10/2015	4.000.000.000	12 tháng	6,70%
Vietinbank Tây HN	01/05/2016	8.155.377.778	5 tháng	4,60%
		<b>39.455.377.778</b>		

**b) Đầu tư vào Công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ	
			30/09/2016	01/01/2015
			VND	VND
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD (*)	35,00%	35,00%	263.424.249.992	279.666.121.847

(\*) Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD được thành lập và hoạt động trên địa bàn Thành phố Hà Nội và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khách sạn.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Điện lực Sơn La	25.136.525.000	314.265.333
- Công ty Điện lực Yên Bái	20.525.907.400	3.464.069.445
- Công ty cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	21.385.252.531	26.299.068.318
- Các khoản phải thu khách hàng khác	117.983.042.360	65.964.393.988
	<b>185.030.727.291</b>	<b>96.041.797.084</b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>599.349.549</b>	<b>13.757.776.093</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.		

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán chi tiết theo đối tượng có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Shaanxi JC Engineering & Trading	347.326.000	-	-	-
Công ty TNHH Shaanxi saame import and export	553.266.960	-	-	-
Công ty TNHH Whole Shine	-	-	5.067.599.250	-
Công ty TNHH Nidec ASI S.p.A	328.400.190	-	1.055.040.878	-
Công ty TNHH Deqing Yuetong	1.817.740.155	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	430.685.059	-	549.491.155	-
	<b>3.477.418.364</b>	<b>-</b>	<b>6.672.131.283</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.389.900	-	22.122.222	-
Phải thu người lao động	14.989.265	-	9.151.710	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Tạm ứng	1.400.652.100	-	1.020.998.185	-
Ký cược, ký quỹ	346.419.140	-	176.445.909	-
Phải thu khác	8.025.255	-	72.498.200	-
	<b>1.808.475.660</b>	<b>-</b>	<b>1.301.216.226</b>	<b>-</b>

8 . NỢ XẤU

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ khí Phong Anh	265.400.036	265.400.036	265.400.036	265.400.036
- Công ty cổ phần xây lắp Hồng Hà	165.145.000	165.145.000	165.145.000	165.145.000
- Công ty cổ phần cơ khí xây dựng số 4	440.155.150	440.155.150	470.122.950	470.122.950
- Các khoản khác	160.392.804	174.535.301	202.818.576	202.818.576
	<b>1.031.092.990</b>	<b>1.045.235.487</b>	<b>1.103.486.562</b>	<b>1.103.486.562</b>

(\*) Giá trị có thể thu hồi được của các khoản nợ xấu được xác định trên cơ sở xét đoán của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	42.790.201.305	-	39.447.940.314	-
Công cụ, dụng cụ	585.525.461	-	517.220.675	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.053.329.853	-	6.551.165.207	-
Thành phẩm	64.281.537.419	(723.740.777)	27.805.506.626	-
Hàng hoá	738.675.047	-	1.222.225.919	-
	<b>121.449.269.085</b>	<b>(723.740.777)</b>	<b>75.544.058.741</b>	<b>-</b>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	628.251.730	5.649.126.932
- Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous (*)	600.369.850	5.243.205.244
- Lò sấy điện trở 90W	-	316.682.486
- Hệ thống hút bụi	-	89.239.202
- Khác	27.881.880	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	92.097.550
- Sửa chữa máy tiện	-	92.097.550
	<b>628.251.730</b>	<b>5.741.224.482</b>

(\*) Dự án đầu tư sản xuất máy biến áp siêu giảm tổn thất sử dụng lõi tôn vô định hình (Amorphous) công suất đến 2000KVA bằng nguồn vốn tự có với tổng giá trị đầu tư lên tới 25 tỷ đồng bắt đầu từ tháng 4/2015 và dự kiến hoàn thành trong năm 2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2016

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	71.652.084.608	70.608.823.778	17.797.590.273	1.579.990.676	161.638.489.335
- Mua trong kỳ	-	7.811.681.268	2.716.185.518	-	10.527.866.786
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	16.113.619.242	-	-	16.113.619.242
- Tặng khác	-	229.559.602	112.618.464	-	342.178.066
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.093.891.178)	-	-	(1.093.891.178)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>71.652.084.608</b>	<b>93.669.792.712</b>	<b>20.626.394.255</b>	<b>1.579.990.676</b>	<b>187.528.262.251</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	28.627.041.036	47.561.040.051	11.535.379.421	1.227.878.632	88.951.339.140
- Khấu hao trong kỳ	1.893.883.716	3.776.086.669	1.065.921.447	41.488.644	6.777.380.476
- Thanh lý, nhượng bán	-	(708.842.477)	-	-	(708.842.477)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.520.924.752</b>	<b>50.628.284.243</b>	<b>12.601.300.868</b>	<b>1.269.367.276</b>	<b>95.019.877.139</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	43.025.043.572	23.047.783.727	6.262.210.852	352.112.044	72.687.150.195
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>41.131.159.856</b>	<b>43.041.508.469</b>	<b>8.025.093.387</b>	<b>310.623.400</b>	<b>92.508.385.112</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.135.582.039 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: 735.006.693 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	75.000.000	-	75.000.000
- Mua trong kỳ	-	244.481.111	244.481.111
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>75.000.000</b>	<b>244.481.111</b>	<b>319.481.111</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	36.666.659	-	36.666.659
- Khấu hao trong kỳ	18.749.997	24.448.110	43.198.107
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>55.416.656</b>	<b>24.448.110</b>	<b>79.864.766</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	38.333.341	-	38.333.341
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>19.583.344</b>	<b>220.033.001</b>	<b>239.616.345</b>

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	47.587.363	258.741.651
	<b>47.587.363</b>	<b>258.741.651</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước	2.239.104.376	2.305.102.420
Công cụ dụng cụ xuất dùng, CF sửa chữa tài sản	2.346.789.174	1.705.633.972
	<b>4.585.893.550</b>	<b>4.010.736.392</b>

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo đối tượng có số dư lớn</b>		
- Chi nhánh Công ty TNHH Nhà máy Xi măng Duyên Hà	752.180.000	-
- Công ty TNHH SX và TM điện cơ Hoàng Mai	987.742.858	-
- Công ty TNHH thép Kyoiei Việt Nam	996.120.400	-
- Công ty Điện lực TNHH BOT Phú Mỹ 3	481.908.000	-
- Công ty CP Tomeco An Khang	472.642.440	-
- Các đối tượng khác trả tiền trước	934.894.116	2.903.087.900
	<b>4.625.487.814</b>	<b>2.903.087.900</b>

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
- Chi phí lãi vay	399.343.035	197.007.906
- Chi phí phải trả khác	1.195.189.683	190.539.068
	<b>1.594.532.718</b>	<b>387.546.974</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2016

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ánh Dương	3.914.361.835	3.914.361.835	8.102.646.921	8.102.646.921
- Công ty TNHH Ánh Dương Hoà Bình	-	-	3.763.959.375	3.763.959.375
- Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Giang	4.830.683.141	4.830.683.141	4.747.786.912	4.747.786.912
- Công ty TNHH Chế tạo máy biến áp điện lực HN	9.722.508.000	9.722.508.000	-	-
- Shaanxi saame import and export Co.,LTD	-	-	1.740.727.500	1.740.727.500
- Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị điện Việt Nam	9.438.354.270	9.438.354.270	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	25.744.748.515	25.744.748.515	17.723.613.004	17.723.613.004
	<b>53.650.655.761</b>	<b>53.650.655.761</b>	<b>36.078.733.712</b>	<b>36.078.733.712</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2016

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	201.495.561	26.588.993.877	25.138.433.980	-	1.652.055.458
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	288.846.304	289.894.858	1.048.554	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.327.022.183	5.411.106.115	5.508.947.025	-	2.229.181.273
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nhà thầu	-	-	10.579.737	10.579.737	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	137.717.180	1.061.789.513	1.161.511.523	-	37.995.170
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	2.400.525.853	1.346.394.805	-	1.054.131.048
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	-	<b>2.666.234.924</b>	<b>35.767.841.399</b>	<b>33.461.761.928</b>	<b>1.048.554</b>	<b>4.973.362.949</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	104.930.947	37.141.226
- Bảo hiểm xã hội	530.968.777	458.811.729
- Bảo hiểm y tế	12.008.603	13.394.043
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.337.154	5.766.905
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	700.000.000	700.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13.015.000	27.092.148.300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	353.006.676	189.784.751
	<b>1.719.267.157</b>	<b>28.497.046.954</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Quý III năm 2016

**19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong kỳ		30/09/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (1)	5.091.823.440	5.091.823.440	38.400.698.201	29.800.151.516	13.692.370.125	13.692.370.125
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	-	-	3.543.028.170	3.543.028.170	-	-
Ngân hàng Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	25.067.303.800		25.067.303.800	25.067.303.800
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh (2)	-	-	33.384.728.178	23.587.630.428	9.797.097.750	9.797.097.750
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (3)	1.300.000.000	1.300.000.000	1.632.000.000	1.000.000.000	1.932.000.000	1.932.000.000
Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	50.000.000	50.000.000	-	50.000.000	-	-
Cán bộ công nhân viên (4)	7.696.770.000	7.696.770.000	14.193.970.000	9.499.500.000	12.391.240.000	12.391.240.000
	<b>14.138.593.440</b>	<b>14.138.593.440</b>	<b>116.221.728.349</b>	<b>67.480.310.114</b>	<b>62.880.011.675</b>	<b>62.880.011.675</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 13/2016-HĐTĐHM/NHCT146-HEM ngày 15/07/2016 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 40 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 15/07/2017;
  - + Thời hạn của khoản vay: 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ, tại 30/09/2016 là từ 5,5%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản.
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/09/2016: 13.692.370.125 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn tuần hoàn số STVN770-14 ngày 24/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: tương đương 1.500.000 Đô la Mỹ;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn rút vốn là 01 năm và tự động gia hạn khi hết hạn;
  - + Lãi suất cho vay: tại thời điểm 30/09/2016 từ 6,2 đến 6,3%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: bảo lãnh tín chấp của Công ty mẹ - Công ty CP Tổng thiết bị điện Việt Nam.
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/09/2016: 9.797.097.750 đồng.
- (3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 130000478734 ngày 30/08/2016 của Ngân hàng Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 40 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 30/08/2017;
  - + Thời hạn của khoản vay: 03 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ, tại 30/09/2016 là từ 4,55%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản.
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/09/2016: 25.067.303.800 đồng.
- (4) Hợp đồng vay vốn giữa Công ty và Công đoàn năm 2015 và 2016 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay tổng cộng: 2.932.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
  - + Lãi suất cho vay: từ 5,5 đến 6%/năm
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/09/2016: 1.932.000.000 đồng.
- (5) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

**20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.158.166.086</b>	<b>10.361.388.185</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	8.158.166.086	10.361.388.185
	<b>8.158.166.086</b>	<b>10.361.388.185</b>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.631.201.041</b>	<b>4.376.583.604</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	10.631.201.041	4.376.583.604
	<b>10.631.201.041</b>	<b>4.376.583.604</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2016

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	<b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>322.450.000.000</b>	<b>241.768.693</b>	<b>(1.589.412.600)</b>	<b>4.688.778.777</b>	<b>192.436.589.135</b>	<b>16.701.243.006</b>	<b>534.928.967.011</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	51.347.980.041	985.599.165	52.333.579.206
Phân phối lợi nhuận	45.550.000.000	-	-	-	(48.350.000.000)	-	(2.800.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(22.462.559.000)	(2.051.582.400)	(24.514.141.400)
Giảm khác	-	-	-	-	(315.127.180)	(134.939.764)	(450.066.944)
Phân phối lợi nhuận công ty con	-	-	-	141.445.897	(427.262.591)	(143.183.306)	(429.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>241.768.693</b>	<b>(1.589.412.600)</b>	<b>4.830.224.674</b>	<b>172.229.620.405</b>	<b>15.357.136.701</b>	<b>559.069.337.873</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 10/2016/ĐHĐCĐ ngày 01/03/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2015 của Công ty mẹ như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	100,00%	88.878.343.613
Bổ sung vốn kinh doanh (*)	51,25%	45.550.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	3,15%	2.800.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ) (*)	25,27%	22.462.559.000
Lợi nhuận chưa phân phối	20,33%	18.065.784.613

(\*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông năm 2015, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 17% vốn điều lệ, trong đó đã tạm ứng năm 2015 là 10%, đồng thời chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 45,55 tỷ đồng tương ứng 14,19535%. Tại ngày 04/04/2016 Công ty đã nhận được Thông báo số 1600/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc phát hành thành công cổ phiếu để trả cổ tức, số lượng cổ phiếu phân phối là 4.555.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2016

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
- Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	65,88%	242.422.450.000	65,84%	212.287.500.000
- Công ty TNHH Đại Hoàng Hà	0,00%	-	15,51%	50.000.000.000
- Công đoàn Công ty	2,98%	10.962.750.000	2,98%	9.600.000.000
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	0,31%	1.141.950.000	0,31%	1.000.000.000
- Các cổ đông khác	30,41%	111.916.550.000	14,89%	48.006.200.000
Cổ phiếu quỹ	0,42%	1.556.300.000	0,48%	1.556.300.000
	<b>100%</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>322.450.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Quý III năm 2016 VND	Quý III năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	368.000.000.000	322.450.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	368.000.000.000	322.450.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	368.000.000.000	322.450.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/09/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.800.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.800.000	32.245.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.800.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	155.630	155.630
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.630	155.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.644.370	32.089.370
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.644.370	32.089.370
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.830.224.674	4.688.778.777
	<b>4.830.224.674</b>	<b>4.688.778.777</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2016

**22 . NGUỒN KINH PHÍ**

	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
	VND	VND
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	1.093.884.000	-
Chi sự nghiệp	(1.577.258.000)	-
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ</b>	<b>(483.374.000)</b>	<b>-</b>

**23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Ngoại tệ các loại**

	30/09/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.061,97	5.475,46

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Nợ khó đòi đã xử lý	3.706.210.146	3.706.210.146

**24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	80.726.495.824	61.497.001.480
Doanh thu bán hàng hóa	85.929.901.890	53.851.786.702
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.957.874.392	13.733.142.475
	<b>178.614.272.106</b>	<b>129.081.930.657</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)	<b>81.973.365.160</b>	<b>51.015.139.576</b>

**25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	567.453.288	254.710.740
	<b>567.453.288</b>	<b>254.710.740</b>

**26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	65.112.638.504	47.183.325.464
Giá vốn của hàng hóa đã bán	83.765.941.807	51.756.475.405
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.961.369.498	11.096.980.569
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	-
	<b>157.839.949.809</b>	<b>110.036.781.438</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2016

**27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Quý III năm 2016</u>	<u>Quý III năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	247.933.694	362.416.207
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.200.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	64.471.714	37.413.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
	<u><b>10.512.405.408</b></u>	<u><b>399.829.207</b></u>

**28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Quý III năm 2016</u>	<u>Quý III năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	686.828.582	388.448.336
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	158.983.836	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	778.636.125
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
	<u><b>845.812.418</b></u>	<u><b>1.167.084.461</b></u>

**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<u>Quý III năm 2016</u>	<u>Quý III năm 2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	157.397.843	174.530.864
Chi phí nhân công	498.580.461	431.926.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.437.958	76.247.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	881.250.343	356.977.252
Chi phí khác bằng tiền	961.788.275	2.044.588.846
Chi phí bảo hành	2.239.199.974	2.383.581.756
	<u><b>4.801.654.854</b></u>	<u><b>5.467.852.929</b></u>

**30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Quý III năm 2016</u>	<u>Quý III năm 2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	462.674.802	416.110.147
Chi phí nhân công	3.696.261.896	3.825.240.507
Chi phí khấu hao tài sản cố định	266.011.329	283.016.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.219.235.751	354.560.543
Chi phí khác bằng tiền	2.801.804.265	2.527.154.905
	<u><b>8.445.988.043</b></u>	<u><b>7.406.082.160</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2016

**31 . THU NHẬP KHÁC**

	<u>Quý III năm 2016</u>	<u>Quý III năm 2015</u>
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	20.800.000
Thu nhập khác	310.164.190	311.110.000
	<u><b>310.164.190</b></u>	<u><b>331.910.000</b></u>

**32 . CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Quý III năm 2016</u>	<u>Quý III năm 2015</u>
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	-
Các khoản bị phạt	-	-
Chi phí khác	220.098.750	544.921.190
	<u><b>220.098.750</b></u>	<u><b>544.921.190</b></u>

**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Quý III năm 2016</u>	<u>Quý III năm 2015</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.056.006.965	9.758.612.827
Thu nhập tính thuế TNDN	14.056.006.965	9.758.612.827
	<u><b>1.272.172.971</b></u>	<u><b>1.029.638.218</b></u>

**34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	12.630.291.809	8.660.268.319
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.630.291.809	8.660.268.319
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.644.370	36.644.370
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>345</b>	<b>236</b>

**35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.211.516.854	71.514.537.749
Chi phí nhân công	13.603.583.915	15.730.550.069
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.372.212.110	2.380.364.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.210.334.110	2.661.561.637
Chi phí khác bằng tiền	7.467.457.612	9.001.707.794
	<b>117.865.104.601</b>	<b>101.288.722.014</b>

**36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.928.654.190	-	35.828.981.888	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	186.839.202.951	(1.031.092.987)	97.343.013.310	(1.104.980.675)
Các khoản cho vay	39.455.377.778	-	81.600.000.000	-
	<b>249.223.234.919</b>	<b>(1.031.092.987)</b>	<b>214.771.995.198</b>	<b>(1.104.980.675)</b>

	Giá trị số kế toán	
	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	62.880.011.675	14.138.593.440
Phải trả người bán, phải trả khác	55.369.922.918	64.575.780.666
Chi phí phải trả	1.594.532.718	387.546.974
	<b>119.844.467.311</b>	<b>79.101.921.080</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Quý III năm 2016

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/09/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.928.654.190	-	-	22.928.654.190
Phải thu khách hàng, phải thu khác	185.808.109.964	-	-	185.808.109.964
Các khoản cho vay	39.455.377.778	-	-	39.455.377.778
	<b>248.192.141.932</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>248.192.141.932</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.828.981.888	-	-	35.828.981.888
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96.238.032.635	-	-	96.238.032.635
Các khoản cho vay	81.600.000.000	-	-	81.600.000.000
	<b>213.667.014.523</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>213.667.014.523</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/09/2016</b>				
Vay và nợ	62.880.011.675	-	-	62.880.011.675
Phải trả người bán, phải trả khác	55.369.922.918	-	-	55.369.922.918
Chi phí phải trả	1.594.532.718	-	-	1.594.532.718
	<b>119.844.467.311</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>119.844.467.311</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	14.138.593.440	-	-	14.138.593.440
Phải trả người bán, phải trả khác	64.575.780.666	-	-	64.575.780.666
Chi phí phải trả	387.546.974	-	-	387.546.974
	<b>79.101.921.080</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>79.101.921.080</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**37 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	<u>Quý III năm 2016</u>	<u>Quý III năm 2015</u>
	VND	VND
a) <b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	54.282.341.675	47.007.471.116
b) <b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	39.793.904.921	17.653.188.573

**38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC Kỳ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh máy biến áp, linh kiện thiết bị điện và chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Quý III năm 2016</u>	<u>Quý III năm 2015</u>
		VND	VND
<b>Doanh thu</b>		<b>81.973.365.160</b>	<b>51.015.139.576</b>
Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	81.973.365.160	50.872.653.212
Công ty CP Dây cáp điện Việt nam	Cùng Công ty mẹ	-	142.486.364
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>3.072.979.353</b>	<b>2.235.780.600</b>
Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	3.072.979.353	2.235.780.600
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Cùng Công ty mẹ	-	-
Công ty CP Khí cụ điện I	Cùng Công ty mẹ	-	-

Số dư tại ngày kết thúc quý:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>599.349.549</b>	<b>13.757.776.093</b>
Tổng công ty CP thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	599.349.549	11.629.809.343
Công ty CP thiết bị điện Việt Nam - Cambodia	Cùng Công ty mẹ	-	2.127.966.750

**41 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Do trong kỳ Công ty thực hiện phát hành 4.550.000 cổ phiếu để tăng vốn góp của chủ sở hữu từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các Cổ đông hiện hữu theo đó Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 và Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính khi số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u>
<b>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	236	270

**Lê Thanh Hải**  
Người lập

**Nguyễn Thị Thanh Yến**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Anh Dũng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2016